TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2026/HS-PT
Ngày: 22/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, kết nối với điểm cầu thành phần tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 307/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Đức D và các bị cáo khác về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức D, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 30/9/2003, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi thường trú: thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1978; có 03 em; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Đức P, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 18/4/2005, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi thường trú: thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 8/12; con

ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1978; có 01 anh và 02 em; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

3. Trần Tần Vương C, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 08/12/2003, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi thường trú: thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 8/12; con ông Trần Văn C1, sinh năm 1968 và bà Võ Thị M, sinh năm 1983; có 01 em; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

4. Trần Tần Vương C2, tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 14/4/2006, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi thường trú: thôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là: thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần Văn C1, sinh năm 1968 và bà Võ Thị M, sinh năm 1983; có 01 anh; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 02/9/2025, bị Công an tỉnh K bắt tạm giam vì đã có hành vi tham gia cùng đồng phạm "*Mua bán trái phép chất ma tuý*" và "*Sử dụng trái phép chất ma tuý*".

Bị cáo vắng mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Nguyễn Đức D*,* Nguyễn Đức P*:* ông Ngô Minh T, Luật sư Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Nguyễn Đức D*,* Nguyễn Đức P*,* Trần Tần Vương C*,* Trần Tần Vương C2*:* ông Nguyễn N, Luật sư Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: A H, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt tại phiên toà.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác, người đại diện hợp pháp của bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 30/5/2024, do có mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền nên nhóm thanh niên xã S hẹn gặp nhóm thanh niên xã S tại khu vực Cầu S thuộc xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã Đ, tỉnh Đắk Lắk) để giải quyết mâu thuẫn.

Nhóm thanh niên xã S gồm: Nguyễn Văn T1 điều khiển xe Wave màu trắng biển số 78L1-264.48 đi một mình, Nguyễn Văn T2 điều khiển xe Sirius chở Đoàn Thế H cầm rựa, Nguyễn Đức P điều khiển xe W chở Trần Tần Vương C2, Nguyễn Đức D điều khiển xe Vario chở Trần Tần Vương C; P, C, D, C2 mỗi người cầm

01 cây gỗ dài khoảng 01m. Nhóm thanh niên ở xã S do Phan Thanh H1 rủ đi đánh nhau, gồm: Khuất Quan C3 điều khiển xe ô tô bán tải biển số 78C-104.12 chở Ngô Hoàng H2, Phan Bảo L (sinh ngày 28/10/2007), Nguyễn Văn N1, Nguyễn Gia B, Đặng Viết C4, cả nhóm mang theo bom xăng tự chế, đá, 01 tuýp sắt, 01 dao tự chế bỏ phía sau thùng xe ô tô bán tải biển số 78C-010.30 do Lê Minh A2 điều khiển chở H1, Đặng Chí V và Lê Ngọc T3.

Khi hai nhóm đến đầu cầu S thì nhóm thanh niên xã S xuống xe, Minh A2 điều khiển xe ô tô đi về nhà; Viết C4 cầm bom xăng và 01 tuýp sắt; L cầm bom xăng và 01 dao tự chế; B cầm bom xăng và đá; H2, H1, N1, V, T3 cầm đá đuổi đánh, ném bom xăng, đá vào nhóm thanh niên xã S. Quan C3 điều khiển xe ô tô biển số 78C-104.12 chạy thẳng vào nhóm thanh niên xã S thì nhóm này ném cây gỗ về hướng xe Quan Cường rồi quay xe bỏ chạy về hướng thị trấn C; Quan C3 tiếp tục điều khiển xe ô tô rượt đuổi theo, khi đến gần ngã tư T thì ép xe mô tô do D chở C té ngã xuống đường, đánh lái tạt đầu xe ô tô vào đầu xe mô tô biển số 78L1-264.48 do T1 điều khiển làm T1 ngã xuống đường tử vong, xe mô tô bị hư hỏng nặng; rồi tiếp tục điều khiển xe rượt đuổi làm xe của P chở C2 ngã xuống đường.

- Kết luận giám định tử thi số 234 ngày 10/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Nguyễn Văn T1 chết do đa chấn thương vỡ sọ, dập não - chết.

- Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 18/3/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên tỉnh Phú Yên kết luận: Giá trị thiệt hại đối với xe mô tô Honda Wave, biển số 78L1-264.48 là 9.810.390 đồng.

Về dân sự: Đối với thiệt hại hư hỏng xe mô tô 78L1-264,48 và thiệt hại về tính mạng của bị hại gia đình bị cáo Khuất Quan C3 và chị Phan Thị N2 là đại diện hợp pháp của người bị hại đã thoả thuận thống nhất bồi thường sửa chữa xong, không có yêu cầu bồi thường gì khác.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 05/11/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định**:*

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C2, Trần Tần Vương C, Nguyễn Đức D phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C2, Trần Tần Vương C, Nguyễn Đức D; các bị cáo C, D được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51;

- Xử phạt bị cáo Trần Tần Vương C2 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Tần Vương C 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 11/11/2025, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P và Trần Tần Vương C có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 14/11/2025, bị cáo Trần Tần Vương C2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C đều giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Tần Vương C2; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc. Trong vụ án này, các bị cáo D, P, các bị cáo C, C2 là anh em ruột; nhóm của các bị cáo là nhóm bị hại; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo; các bị cáo đã nộp khoản án phí sơ thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/11/2025, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P và Trần Tần Vương C kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; ngày 14/11/2025, bị cáo Trần Tần Vương C2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tần Vương C2 vắng mặt do hiện nay bị cáo đang bị bắt tạm giam điều tra vụ án khác, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Để giải quyết mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền, khoảng 22 giờ ngày 30/5/2024, nhóm thanh niên xã S gồm Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C, Trần Tần Vương C2 cùng một số đối tượng khác hẹn gặp đánh nhau với nhóm thanh niên xã S (trong đó có Phan Thanh H1, Khu Á, Nguyễn Gia B...). Theo đó, Nguyễn Đức P chở Trần Tần Vương C2, Nguyễn Đức D chở Trần Tần Vương C bằng xe mô tô, mỗi người cầm theo 01 cây gỗ dài khoảng 01m. Khi 02 nhóm đến đoạn cầu S như đã hẹn thì nhóm của D bị nhóm của C3 đuổi đánh; Khuất Quan C3 điều khiển xe ô tô chạy thẳng vào cả nhóm của D thì nhóm D ném cây gỗ về phía xe C3 rồi bỏ chạy, C3 tiếp tục truy đuổi, ép xe khiến D, C, P, C2 té ngã, còn Nguyễn Văn T1 (người trong nhóm xã S) ngã chết.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C và Trần Tần Vương C2 phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*" với tình tiết định khung "*Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C và Trần Tần Vương C2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù trước khi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò với nhau, nhưng các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau để cùng thực hiện hành vi phạm tội; trong đó P là người điều khiển xe mô tô chở C2, D điều khiển xe mô tô chở C, các bị cáo đều cầm theo hung khí là cây gậy gỗ dài khoảng 01m để đi đánh nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, làm xáo trộn nghiêm trọng sinh hoạt của người dân trong khu vực. Vào thời gian nửa đêm, các bị cáo rủ rê, tụ tập, dùng hung khí rượt đuổi đánh nhau làm náo loạn khu vực công cộng. Do đó, cần có mức hình phạt đủ nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung; việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết, đặc biệt là trong tình hình ngày càng gia tăng tội phạm băng nhóm thuộc độ tuổi thanh – thiếu niên như hiện nay.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Đức D, Trần Tần Vương C có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo Trần Tần Vương C2 còn bị bắt tạm giam vì hành vi đồng phạm trong vụ án ma túy, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, ý thức cải tạo của bị cáo không cao.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng và đầy đủ về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C và Trần Tần Vương C2 mỗi bị cáo 02 năm tù là phù hợp, không nặng; đây chỉ là mức án khởi điểm của khung hình phạt mà các bị cáo bị

truy tố, xét xử, vừa thể hiện sự cân nhắc, chiếu cố đối với các bị cáo nhưng vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới có ý nghĩa nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo các bị cáo; cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C và Trần Tần Vương C2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 150/2025/HS-ST ngày 05/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 02 (hai) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Tần Vương C2 02 (hai) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 02 (hai) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Tần Vương C 02 (hai) năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức P, Trần Tần Vương C và Trần Tần Vương C2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GĐKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Kiên